

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08- 10- 2021

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngư

Ông Lâm Ngọc Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Thúy Vy, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2021/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/9/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 346/AH, xã A, huyện B, tỉnh T.

Địa chỉ liên hệ: Số 81/21, đường L, phường T, quận T, Thành Phố H

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoài H, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 347, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày **24/4/2021**, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T trình bày:

Bà T và ông H kết hôn năm 2020, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày **19/02/2020**.

Thời gian đầu bà T và ông H chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 6 năm **2020** thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên cự cãi, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống.

Từ tháng 6 năm 2020, đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai nữa.

Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hận

Về con chung: Bà T khai vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T và ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ nhất để tham gia phiên Tòa, nhưng bà T và ông H đều vắng mặt và bà T, ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng, **khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228** Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử **vắng mặt bà, ông**.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là quan hệ hợp pháp. Qua quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, được cha mẹ hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T khai vợ chồng không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, **khoản 5** Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; **khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228**; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng T.

- *Về hôn nhân:* Bà Lê Thị Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Hoài H.

- *Về con chung:* Bà T khai vợ chồng không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về nợ chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Lê Thị Hồng T phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0008678, ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- *Các đương sự;*

- *Tòa án tỉnh;*

- *VKSND huyện Châu Thành;*

- *Chi cục THADS huyện CT;*

- *Lưu hồ sơ vụ án;*

- *cơ quan đang ký kết hôn.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Vinh**